

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2020/DSST**.

Ngày: 10/8/2020.

V/v: *Tranh chấp về nợ hụi*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lưu Xuân Vĩnh.
2. Bà Phạm Thị Nc Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2020/TLST - DS ngày 21/5/2020; về việc “Tranh chấp về nợ hụi”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐST – DS, ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị V, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn 6, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn 7, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Đinh Thị L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn 7, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn 6, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Ông Nguyễn Q P – Luật sư thuộc Văn P luật sư Q P – Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Thể hiện tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa - Nguyên đơn - bà Võ Thị V trình bày:

Trước đây, bà Võ Thị V tham gia chơi hụi do ông Trần Văn N, bà Đinh Thị L làm chủ. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên bà V không nhớ đã tham chơi những chân hụi nào; số tiền bao nhiêu. Bà V xác định vợ chồng ông N, bà L còn nợ tiền hụi là 216.000.000đ. Cho nên, yêu cầu vợ chồng ông N, bà L phải trả cho vợ chồng bà V số tiền 216.000.000đ.

[2] Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án ông Trần Văn N trình bày như sau:

Ông Trần Văn N thừa nhận trước đây bà Võ Thị V có tham gia chơi hụi do ông N làm chủ. Tuy nhiên, cụ thể bà V tham gia chân hụi nào, số tiền bao nhiêu thì ông N không xác định được. Thế nhưng, ông N thừa nhận hiện nay còn nợ tiền hụi của bà V là 216.000.000đ. Do việc tham gia chơi hụi này chỉ có ông N và bà V thỏa thuận với nhau. Số tiền nợ của bà V là nợ riêng của ông N.

[3] Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bà Đinh Thị L trình bày:

Bà Đinh Thị L không biết gì liên quan đến số tiền nợ hụi giữa ông N và bà V. Bà L không biết bà V tham gia chơi hụi như thế nào. Ông N nợ bà V thì ông N có trách nhiệm trả nợ. Đây là nợ riêng của ông N nên bà L không chấp nhận trả nợ cho bà V.

[4] Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Đình Q trình bày:

Thông nhất với phần trình bày của bà Võ Thị V. Ông Q yêu cầu vợ chồng ông N, bà L phải trả số tiền nợ hụi là 216.000.000đ. Ngoài ra, ông Q không có yêu cầu gì khác.

[5]. Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn - Bà Võ Thị V cung cấp: 01 sổ hộ khẩu (photo); 02 giấy chứng minh nhân dân (photo).

- Ông Trần Văn N, bà Đinh Thị L cung cấp: 02 chứng minh nhân dân (photo).

- Tòa án tiến hành lấy lời khai của các đương sự; xác minh tại địa phương về những vấn đề liên quan đến vụ án.

[6] Các vấn đề đương sự thống nhất.

Bà Võ Thị V yêu cầu vợ chồng ông N, bà L phải trả lại tổng số tiền nợ hụi 216.000.000đ. Ông Trần Văn N thừa nhận nợ bà Võ Thị V tiền hụi 216.000.000đ.

[7] Các vấn đề đương sự không thống nhất.

Bà Võ Thị V xác định số tiền 216.000.000đ là nợ chung của vợ chồng ông N, bà L. Ông N, bà L cho rằng đây là nợ riêng của ông N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến tranh luận:

Bà Võ Thị V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N, bà L phải trả số tiền nợ hụi 216.000.000đ. Mặc dù, bà V không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh có tham gia chơi hụi do ông N, bà L làm chủ hay các chứng cứ để xác nhận ông N, bà L còn nợ

tiền hui là 216.000.000đ. Tuy nhiên, tại các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông N đã thừa nhận còn nợ bà V tiền hui là 216.000.000đ. Đây là chứng cứ rất quan trọng trong vụ án và theo quy định không cần phải chứng minh. Mặc dù, ông N, bà L đều cho rằng đây không phải là nợ chung. Thế nhưng, tại thời điểm phát sinh số tiền nợ này, ông N, bà L có quan hệ vợ chồng với nhau. Bà V khai nhận khi tham gia chơi hui, bà L có trực tiếp thu tiền hui từ bà V. Như vậy, có đủ căn cứ xác định số tiền hui 216.000.000đ là nợ chung của vợ chồng ông N, bà L. Cho nên, ông N, bà L phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ này cho vợ chồng bà V, ông Q.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Ông Trần Văn N và bà Đinh Thị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203, 227, 228 BLTTDS năm 2015.

- Điều 471 BLDS năm 2015.

- Nghị định 19/2019, ngày 19/02/2019 về họ, hui, biểu, phường.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị V.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn N, bà Đinh Thị L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Võ Thị V, ông Nguyễn Đình Q số tiền 216.000.000đ.

Về án phí: Miễn án phí cho ông Trần Văn N. Bà Đinh Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Võ Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn - ông Trần Văn N, bà Đinh Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông N và bà L đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xem xét, xét xử vắng mặt các bị

đơn. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp trong vụ án:* Bà Võ Thị V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N, bà L phải trả lại số tiền nợ hui là 216.000.000đ. Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp về nợ hui*” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[3] *Xét yêu cầu của bà Võ Thị V:*

Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Võ Thị V không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh có tham gia chơi hui do ông N, bà L làm chủ. Bà V cũng không xác định được đã tham gia chơi những chân hui nào; số tiền bao nhiêu và bao nhiêu người tham gia chơi. Bà Võ Thị V không cung cấp được giấy tờ gì chứng minh ông N, bà L còn nợ 216.000.000đ. Thế nhưng, căn cứ vào lời khai của ông Trần Văn N, ngày 10/7/2020 xác định: Hiện nay, ông Trần Văn N còn nợ tiền hui bà V tổng số tiền là 216.000.000đ. Căn cứ vào quy định tại Điều 92 BLTTDS đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị V là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 471 BLDS năm 2015.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Trần Văn N và bà Đinh Thị L đều cho rằng số tiền nợ hui của bà Võ Thị V là khoản nợ riêng của ông Trần Văn N. Bà Đinh Thị L không có trách nhiệm liên đới cùng ông N trả tiền nợ hui cho bà V. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 24/7/2020 thể hiện: Trong thời gian ông N, bà L còn sống tại địa phương có nghề nghiệp là làm chủ hui và cho vay tiền. Ngoài ra, ông N và bà L không còn nghề nghiệp gì khác. Tất cả những chi phí sinh hoạt trong gia đình đều thu nhập từ việc làm chủ hui và cho vay. Ngoài ra, trong thời gian bà V tham gia chơi hui do ông N làm chủ thì ông N, bà L còn mối quan hệ vợ chồng với nhau. Cho nên, có đủ căn cứ xác định số tiền nợ hui của bà V là nợ chung của vợ chồng ông N, bà L. Do đó, ông N và bà L phải có trách nhiệm liên quan đến số tiền nợ hui 216.000.000đ cho vợ chồng bà V, ông Q là phù hợp với quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của bà V được chấp nhận nên cần buộc vợ chồng ông Trần Văn N, bà Đinh Thị L phải liên đới nộp án phí DS/ST; trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho bà V là phù hợp với quy định tại các Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuy nhiên, do ông Trần Văn N, sinh năm 1955 theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi thì ông N là người cao tuổi. Căn cứ vào quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 thì ông N thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí nên ông N không phải nộp án phí DS/ST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 471 và khoản 2 Điều 357 BLDS 2015;
- Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị V:

Buộc ông Trần Văn N, bà Đinh Thị L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Võ Thị V, ông Nguyễn Đình Q số tiền nợ hui là 216.000.000đ (Hai trăm mười sáu triệu đồng).

Chia phần:

Ông Trần Văn N phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị V, ông Nguyễn Đình Q số tiền nợ hui là **108.000.000đ** (Một trăm lẻ tám triệu đồng).

Bà Đinh Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị V, ông Nguyễn Đình Q số tiền nợ hui là **108.000.000đ** (Một trăm lẻ tám triệu đồng).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (ông N, bà L) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận được về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Buộc bà Đinh Thị L phải nộp 5.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bà Võ Thị V số tiền 5.400.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N0 003461, ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 10/8/2020. Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự.....;
- Chi cục Thi hành án DS H.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn P.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yên